TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2020/QĐDS-ST
Ngày: 07/02/2020.
V/v: "Công nhận thuận tình ly hôn"

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Dung.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp công khai để giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-VDS ngày 09/01/2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Theo quyết định mở phiên họp số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông NVL, sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn 7, xã YP, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bà NTP, sinh năm 1972
Địa chỉ: Barnctstr. 80-12305 Berlin West Germany – Cộng hòa liên bang Đức.

NHẬN THẤY:

** Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 21 tháng 10 năm 2019 của anh NVL và chị NTP trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh NVL và chị NTP kết hôn năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YP, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và không có tiếng nói chung.

Đến nay hai bên đều xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đôi bên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là NTH, sinh ngày 16/8/1993 và cháu NVM sinh ngày 02/3/1999. đôi bên thống nhất thoả thuận giao anh NVL trực tiếp nuôi con, chị NTP không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên họp:*

Việc chấp hành của Thẩm phán, thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các nội dung đương sự đã thỏa thuận được với nhau là tự nguyện và không trái pháp luật, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn NVL và chị Nguyễn Thị NTP về hôn nhân và con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

XÉT THẤY

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị NTP hiện đang sinh sống và làm việc tại CHLB Đức nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật TTDS năm 2015.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, anh Nguyễn Văn NVL và chị Nguyễn Thị NTP đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Về hôn nhân: Anh NVL và chị NTP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 28 ngày 11/9/2012 tại UBND xã YP, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về lối sống, bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn sâu sắc không thể hàn gắn, không còn tồn tại cuộc sống chung nên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa anh NVL và chị NTP là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là NTH, sinh ngày 16/8/1993 và cháu NVM sinh ngày 02/3/1999. đôi bên thống nhất thoả thuận giao anh NVL trực tiếp nuôi con, chị NTP không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm sự ổn định cuộc sống của cháu Hằng và cháu Mạnh nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản và công nợ: anh NVL và chị NTP không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh NVL tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 361; 362; 367; 369; 370; 371; khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NVL và chị NTP.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh NVL và chị NTP: Giao 02 cháu NTH, sinh ngày 16/8/1993 và cháu NVM sinh ngày 02/3/1999 cho anh NVL trực tiếp nuôi con, chị NTP không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị NTP có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: anh NVL và chị NTP không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1, Mục I, phần B, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Anh NVL phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0006976 ngày 09/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

***Nơi nhận*:**
-TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND tỉnh Thanh Hoá;
-Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
-Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung